TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Bà Thiều Thị Phi Loan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa*: Bà Trần Thị Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 3386/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Thanh H, sinh năm 1990;

HKTT: H11, KP. 7, P. T, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

Nơi ở hiện nay: 807/72/73, tổ 42, KP.9, P. T, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai;

- Bị đơn: Anh Hà Văn P, sinh năm 1991

HKTT: Thôn 5, ĐP, huyện C, tỉnh L

Nơi ở hiện nay: 807/72/73, tổ 42, KP.9, P. T, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

(chị H, anh P có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Hà Văn P kết hôn vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 15/01/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa,

tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến gia đình luôn căng thẳng. Nhiều lần, anh chị đã nói chuyện với nhau để cùng tìm cách giải quyết, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay, vợ chồng đã không còn tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt, vì vậy, chị xin được ly hôn với anh P.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Vũ An N, sinh ngày 12/01/2019. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu Toà án giải quyết giao cháu N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

Lý do chị yêu cầu được nuôi con như sau: Về tài chính: Sau khi ly hôn, chị có chỗ ở ổn định là căn nhà mà chị và anh P đã thỏa thuận phân chia tài sản sau ly hôn. Chị là viên chức nhà nước, công tác trong nghành y tế, được đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng, có thu nhập ổn định khoảng 10 triệu đồng đến 12 triệu đồng một tháng. Trong khi đó, anh P chỉ là giáo viên các trường thuê về dạy, không có lương thưởng dịp lế, Tết, không có bảo hiểm xã hội. Về điều kiện chăm sóc con: Chị có sự hỗ trợ từ mẹ và các anh chị của chị đang sống ở Biên Hòa chăm sóc cháu N mỗi khi chị bận đi trực. Trong khi đó gia đình anh P ở xa nên anh P không có sự hỗ trợ từ cha mẹ, anh chị em ruột. Hơn nữa, cháu Hà Vũ An N bị bệnh nhiễm trùng đường tiểu, bản thân chị là người mẹ, lại công tác trong ngành y nên có kiến thức và khả năng chăm con tốt hơn anh P đặc biệt là những lúc phải vệ sinh vùng kín của cháu. Ngoài ra, khi con ốm đau cần đi bệnh viện thì anh P không thể xin nghỉ để chăm con được. Anh P là người dạy về tâm lý nhưng có lúc không kìm chế được đã có hành vi bạo lực với chị và đập phá đồ đạc khiến con rất sợ hãi. Từ khi vợ chồng ly thân, vào những ngày con ở với bố, anh P đã có hành vi ngăn cản chị gặp con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 06/01/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hà Văn P trình bày: Hôn nhân giữa anh với chị H là tự nguyện và hợp pháp. Tuy nhiên, quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay anh chị vẫn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Anh xác định, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã rất trầm trọng, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy, chị H xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Hà Vũ An N, sinh ngày 12/01/2019. Sau khi ly hôn, anh không đồng ý giao con chung cho chị H nuôi dưỡng vì: Anh công tác trong ngành giáo dục, là thạc sĩ tâm lý, giáo viên dạy kỹ năng sống cho học sinh nên anh có khả năng hỗ trợ giáo dục con. Với thu nhập từ 15 triệu đồng

đến 20 triệu đồng một tháng, thời gian làm việc trong giờ hành chính, anh hoàn toàn đủ khả năng nuôi dạy con chu đáo. Trong khi đó, chị H là nhân viên y tế tại bệnh viện, thu nhập thấp, thường xuyên phải đi trực nên không thể nuôi dạy con tốt bằng anh. Trường hợp Tòa án giao con chung cho chị H nuôi thì anh đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng như chị H yêu cầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/5/2023 anh P không đồng ý giao con cho chị H nuôi. Trường hợp Tòa án giao con cho chị H thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con như chị H yêu cầu. Ngoài ra, anh P yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh đối với khoản nợ của chị H tại Ngân hàng BIDV.

Ngày 04/6/2023, anh P có đơn đề nghị Tòa án không xác minh khoản nợ của chị H và tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu toà án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận chị H, anh P thuận tình ly hôn. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là cháu Hà Vũ An N, sinh ngày 12/01/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không xem xét. Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Vũ Thị Thanh H xin ly hôn anh Hà Văn P, anh P là bị đơn hiện đang cư trú tại thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H, anh P chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Uỷ ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/01/2018 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị H xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị H xin ly hôn với anh P với lý do quá trình vợ chồng chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến gia đình luôn căng thẳng. Nhiều lần, anh chị đã nói chuyện với nhau để cùng tìm cách giải quyết, Tòa án cũng đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nhưng không có kết quả. Gần đây, anh chị đã ly thân, không ai quan tâm đến ai, tình cảm không còn. Anh P cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn, anh P đồng ý. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh P để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Chị Vũ Thị Thanh H và anh Hà Văn P có 01 con chung tên Hà Vũ An N, sinh ngày 12/01/2019. Ly hôn, chị H yêu cầu Toà án giải quyết giao cháu N cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ. Anh P không đồng ý giao con cho chị H nuôi. Tại Biên bản hòa giải ngày 17/4/2023, anh P cho biết, trường hợp Tòa án giao con chung cho chị H nuôi thì anh đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng như chị H yêu cầu.Tại phiên tòa ngày 10/5/2023, anh P không đồng ý giao con cho chị H nuôi. Trường hợp Tòa án giao con cho chị H thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con như chị H yêu cầu. Tại phiên tòa hôm nay, chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần cấp dưỡng nuôi con, chỉ yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đ (hai triệu đồng) nhưng anh P không đồng ý. Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án căn cứ quyền lợi mọi mặt của con để xem xét giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi con, cụ thể như sau:

Xét thấy: Theo tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp thể hiện: cả chị H và anh P đều có thu nhập đủ để có thể nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn (chị H thu nhập khoảng 10 triệu đến 12 triệu đồng/tháng, anh P thu nhập khoảng 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng/tháng). Về điều kiện nhà ở, theo văn bản thỏa thuận của vợ chồng về việc phân chia tài sản (được anh P thừa nhận), chị H được toàn quyền sử dụng căn nhà tại địa chỉ 807/72/73 tổ 42, khu phố 9, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Anh P khai, hiện nay anh đang thuê nhà nguyên căn ở gần ngôi nhà trên với giá thuê là 2,5 triệu đồng/ tháng. Về các điều kiện khác: Chị H làm việc tại Bệnh viện Đa khoa Thống Nhất, một tuần, chị đi trực khoảng 02 ngày nhưng chị có mẹ đẻ và các anh chị ruột hiện đang sinh sống tại Biên Hòa hỗ trợ chị chăm sóc cháu N. Anh P làm việc ở bốn nơi là Trường Đinh Tiên Hoàng, trường Đinh Tiên Hoàng 2, nhà trẻ Nghé Ọ, Ban quản lý Dự án VUSTA- Dự án Quỹ toàn cầu phòng, chống HIV/AID. Cháu Hà Vũ An N là con chung của anh chị bị bệnh viêm đường tiết niệu, là căn bệnh liên quan đến vùng kín, cần phải thường xuyên có sự quan tâm, vệ sinh, hướng dẫn cách tự vệ sinh cho con của người lớn. Bản thân chị H công tác trong ngành y, cháu N lại là con gái nên việc giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sẽ tốt hơn giao cho anh P. Sau khi ly hôn, anh P vẫn có thể hỗ trợ chị H trong việc chăm sóc con cũng như việc dạy con về kỹ năng sống như anh trình bày. Do đó, yêu cầu của chị

H về việc giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị H thay đổi lại yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 triệu đồng. Xét thấy: Theo quy định pháp luật, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Theo tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp thì anh P có thu nhập mỗi tháng khoảng từ 15 triệu đồng đến 20 triệu đồng. Tại phiên tòa, chị H khai, hiện nay mỗi tháng, anh chị chi tiêu cho con hết khoảng 4.000.000 đồng, anh P cũng đồng ý và xác nhận là đúng. Do đó, chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu N 2.000.000đ/tháng là phù hợp với khả năng thực tế của anh P và để đảm bảo nhu cầu thiết yếu của con. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng của chị H có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Sau khi ly hôn, chị H và anh P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh P (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005342 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, chị H đã nộp xong. Anh Hà Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí T òa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Thanh H với bị đơn anh Hà Văn P về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Thanh H được ly hôn anh Hà Văn P.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Vũ An N, sinh ngày 12/01/2019 cho chị Vũ Thị Thanh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Anh Hà Văn P phải cấp dưỡng nuôi con chung Hà Vũ An N, sinh ngày 12/01/2019 mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động. Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Sau khi ly hôn, chị H, anh P có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh P (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, 110, 118 Luật hôn nhân gia đình.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vũ Thị Thanh H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu số 0005342 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, chị H đã nộp xong.

Anh Hà Văn P phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tám

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám

Nguyễn Thị Ngọc Hoa Thiều Thị Phi Loan

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- UBND xã (phường) nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tám

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tám